

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG

BẢNG XẾP THỨ TỰ ĐỒNG ĐỘI THI HỌC SINH GIỎI LỚP 10 THPT - NĂM HỌC 2017-2018

STT	Trường	Địa lý		Hoá học		Lịch sử		Ngữ văn		Sinh học		Tiếng Anh		Toán		Vật lý		Đồng đội	
		ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	Tổng	XH
1	THPT Bến Tắm	6.583	26	2.583	28	5.167	22	6.583	20	5.417	23	6.067	24	7.917	11	5.417	16	170	19
2	THPT Bình Giang	8.583	9	9.667	4	9.333	4	6.583	20	7.167	15	8.900	10	12.500	1	6.667	11	74	6
3	THPT Cẩm Giàng	9.917	5	5.583	13	5.333	21	6.583	20	9.667	2	9.233	8	6.250	17	4.083	23	109	14
4	THPT Cẩm Giàng II	8.500	11	0.667	39	4.917	27	5.750	33	3.667	32	3.633	35	3.333	29	2.083	34	240	35
5	THPT Cầu Xe	4.833	36	5.083	16	4.833	28	7.667	14	6.667	17	3.567	36	4.250	26	5.583	15	188	22
6	THPT Chí Linh	7.250	21	6.917	9	7.417	10	6.583	20	7.917	8	8.633	13	8.000	10	8.833	7	98	13
7	THPT Đoàn Thượng	6.083	28	6.500	10	9.167	5	8.667	4	9.583	3	9.067	9	6.000	18	6.083	13	90	8
8	THPT Đồng Gia	7.917	16	2.917	25	4.833	28	6.417	26	2.583	37	4.400	31	2.167	36	1.833	35	234	32
9	THPT Đường An	5.750	29	2.417	32	5.000	26	5.667	34	3.167	35	4.600	29	2.250	34	1.167	37	256	37
10	THPT Gia Lộc	7.667	17	6.333	11	5.167	22	7.167	17	8.500	5	8.900	10	9.750	6	9.000	6	94	11
11	THPT Gia Lộc II	7.583	18	2.333	33	4.500	34	6.333	28	5.583	22	3.067	38	1.750	37	3.417	27	237	33
12	THPT Hà Bắc	8.833	6	5.417	15	6.417	14	9.417	1	8.500	5	8.500	15	8.500	9	3.500	26	91	9
13	THPT Hà Đông	5.500	32	4.417	19	5.167	22	6.083	30	6.083	20	6.467	22	3.417	28	2.667	29	202	26
14	THPT Hoàng Văn Thụ	6.667	24	1.583	35	6.000	16	6.000	31	4.167	31	8.567	14	5.167	22	5.167	17	190	23
15	THPT Hồng Quang	7.417	19	6.333	11	5.500	19	8.167	7	7.417	12	9.933	5	5.833	20	10.083	2	95	12
16	THPT Hưng Đạo	3.917	40	2.917	25	5.833	17	7.500	16	2.667	36	4.300	32	4.750	25	3.000	28	219	30
17	THPT Kê Sắt	6.500	27	2.500	29	6.083	15	6.417	26	5.250	24	4.900	28	7.250	15	2.250	33	197	25
18	THPT Kim Thành	11.500	2	12.500	1	5.833	17	8.500	5	10.917	1	12.867	1	10.750	4	10.417	1	32	1
19	THPT Kim Thành II	4.333	38	1.000	37	5.167	22	5.417	36	6.000	21	2.633	40	2.833	30	1.667	36	260	39
20	THPT Kinh Môn	8.417	12	8.167	5	6.917	12	7.167	17	4.583	28	9.700	6	11.583	2	9.833	3	85	7
21	THPT Kinh Môn II	4.167	39	2.667	27	4.833	28	7.167	17	5.000	26	3.300	37	2.417	32	2.333	32	238	34
22	THPT Khúc Thừa Dụ	10.417	4	1.750	34	3.750	38	5.083	39	5.083	25	5.800	26	3.833	27	3.583	24	217	28
23	THPT Mạc Đĩnh Chi	4.417	37	3.000	23	4.500	34	6.500	25	1.333	40	5.900	25	2.333	33	1.000	39	256	37
24	THPT Nam Sách	8.750	7	10.083	2	7.750	9	7.667	14	6.917	16	10.467	2	10.833	3	9.083	5	58	2
25	THPT Nam Sách II	8.250	13	1.583	35	6.750	13	8.750	3	4.500	29	4.533	30	2.250	34	1.083	38	195	24

STT	Trường	Địa lý		Hoá học		Lịch sử		Ngữ văn		Sinh học		Tiếng Anh		Toán		Vật lý		Đội tuyển	
		ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	ĐTB	XH	Tổng	XH
26	THPT Ninh Giang	5.750	29	3.500	21	9.667	3	9.417	1	4.417	30	9.567	7	8.667	8	5.083	18	117	16
27	THPT Nguyễn Bình Khiêm	8.250	13	3.750	20	2.083	40	6.000	31	3.583	33	6.333	23	1.417	39	5.917	14	213	27
28	THPT Nguyễn Du	5.417	33	2.500	29	3.917	36	6.583	20	2.333	38	6.733	21	1.583	38	2.417	31	246	36
29	THPT Nhị Chiểu	7.083	22	5.583	13	3.917	36	5.250	37	4.750	27	6.933	19	8.833	7	4.500	21	182	20
30	THPT Phả Lại	5.750	29	3.417	22	8.083	8	8.000	8	6.417	19	7.633	18	4.917	24	4.583	20	148	18
31	THPT Phúc Thành	8.583	9	7.417	7	12.167	1	7.750	12	9.333	4	8.867	12	7.417	14	6.500	12	71	5
32	THPT Quang Trung	6.667	24	3.000	23	8.333	7	8.000	8	6.500	18	8.467	16	7.500	12	9.583	4	112	15
33	THPT Tuệ Tĩnh	7.417	19	2.500	29	5.500	19	5.250	37	7.750	10	5.433	27	5.000	23	4.167	22	186	21
34	THPT Tứ Kỳ	8.750	7	7.417	7	10.500	2	8.417	6	7.833	9	10.200	4	6.000	18	7.083	10	63	4
35	THPT Thanh Bình	6.917	23	0.917	38	4.833	28	7.750	12	3.333	34	4.267	33	2.667	31	2.583	30	229	31
36	THPT Thanh Hà	12.417	1	4.583	18	8.750	6	8.000	8	7.500	11	10.233	3	10.750	4	7.250	9	60	3
37	THPT Thanh Miện	11.250	3	10.000	3	4.833	28	7.917	11	8.333	7	8.300	17	6.583	16	8.333	8	93	10
38	THPT Thanh Miện II	8.250	13	8.083	6	7.167	11	6.333	28	7.417	12	6.933	19	7.500	12	4.667	19	120	17
39	THPT Thanh Miện III	5.250	34	4.750	17	4.667	33	4.833	40	7.333	14	3.967	34	5.417	21	3.583	24	217	28
40	THPT Trần Phú	5.250	34	0.417	40	3.000	39	5.583	35	2.333	38	2.733	39	0.917	40	0.667	40	305	40